

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Xuân Thắng**

2. Ngày tháng năm sinh: **31/12/1979**; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: **Việt Nam**;

Dân tộc: **Kinh**; Tôn giáo: **Không**

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: **Xã Hưng Lĩnh, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An**

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Phòng 100, C14, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội**

6. Địa chỉ liên hệ: **Phòng 410, Nhà A1, Viện Đào tạo Sau đại học, Đại học Kinh tế quốc dân, 207 Giải Phóng, Hà Nội**

Điện thoại di động: **0906.100.368**; E-mail: **thangnx@neu.edu.vn; nxt.neu@gmail.com**

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 6 năm 2002 đến tháng 4 năm 2008: **Giảng viên Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 7 năm 2013: **Nghiên cứu sinh Tiến sĩ tại Khoa Kinh tế và Tài chính, Đại học La Trobe, Úc**

*14*

- Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 2 năm 2016: **Giảng viên Viện Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 3 năm 2017: **Chuyên viên Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 5 năm 2023: **Trưởng Ban Đào tạo, Viện Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân**
- Từ tháng 5 năm 2023 đến nay: **Phó Viện trưởng, Viện Đào tạo Sau đại học, Đại học Kinh tế Quốc dân**

Chức vụ: Hiện nay: **Phó Viện trưởng**; Chức vụ cao nhất đã qua: **Phó Viện trưởng, Viện Đào tạo Sau đại học, Đại học Kinh tế Quốc dân**

Cơ quan công tác hiện nay: **Đại học Kinh tế Quốc dân**

Địa chỉ cơ quan: **207 Giải Phóng, Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam**

Điện thoại cơ quan: **(84) 24.36.280.280**

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ: hiện đang công tác

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **26 tháng 6 năm 2001**; số văn bằng: **B277921**; ngành: **Ngân hàng Tài chính**; Nơi cấp bằng ĐH: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.**
- Được cấp bằng ThS ngày **9 tháng 5 năm 2005**; số văn bằng: **A014358**; ngành: **Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng**; Nơi cấp bằng ThS: **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.**
- Được cấp bằng TS ngày **15 tháng 10 năm 2014**; ngành: **Tài chính**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học La Trobe, Úc.**
- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS cơ sở: **Đại học Kinh tế quốc dân.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó Giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế.**

### 13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

#### **Hướng nghiên cứu 1: Các quyết định tài chính của doanh nghiệp**

Hướng nghiên cứu này tập trung vào các quyết định tài chính cốt lõi của doanh nghiệp, bao gồm: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và chính sách chi trả cổ tức, cùng với mối liên hệ của những vấn đề này đến kết quả tài chính và giá trị doanh nghiệp. Các nghiên cứu trong hướng này phân tích vai trò của các yếu tố nội tại của doanh nghiệp (quy mô, cơ cấu sở hữu, mức độ rủi ro kinh doanh) và bối cảnh kinh tế vĩ mô (bao gồm cả bất định chính sách và rủi ro địa chính trị) trong việc hình thành các quyết định tài chính. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu đề xuất các hàm ý nhằm tối ưu hóa kết quả sử dụng vốn, nâng cao giá trị doanh nghiệp và điều chỉnh quyết định tài chính phù hợp với môi trường thể chế chưa hoàn thiện của Việt Nam.

Các bài nghiên cứu tiêu biểu: Bài báo khoa học số thứ tự [7], [9], [14], [15], [16], [17], [26]

#### **Hướng nghiên cứu 2: Đặc điểm quản trị và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Hướng này xem xét mối quan hệ giữa các yếu tố thuộc về đặc điểm quản trị doanh nghiệp (bao gồm đặc điểm hội đồng quản trị, cấu trúc sở hữu, mối quan hệ chính trị, và các biến động liên quan đến chính sách của nhà nước) với các chỉ tiêu tài chính như hiệu quả hoạt động, khả năng sinh lời, và mức độ rủi ro. Các nghiên cứu khai thác vai trò của các cơ chế quản trị chính thức và phi chính thức trong việc nâng cao minh bạch thông tin và giảm chi phí đại diện trong doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh thể chế chuyển đổi.

Các bài nghiên cứu tiêu biểu: Bài báo khoa học số thứ tự [10], [12], [13], [18], [21], [24], [29]

#### **Hướng nghiên cứu 3: Tiếp cận tài chính và các rào cản xã hội - thể chế đối với nhóm yếu thế**

Hướng nghiên cứu này phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp xã hội, hộ gia đình thu nhập thấp và các nhóm dễ tổn thương khác. Các nghiên cứu đặc biệt chú trọng đến vai trò của rào cản thể chế, bất bình đẳng giới, mạng lưới xã hội, rủi ro địa chính trị và yếu tố môi trường chính sách trong việc hạn chế cơ hội tiếp cận tín dụng hoặc vốn đầu tư. Một số nghiên cứu còn mở rộng sang phân tích năng lực đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng của doanh nghiệp trong bối cảnh bất định.

Các bài nghiên cứu tiêu biểu:

- Sách chuyên khảo số thứ tự [1]
- Bài báo khoa học số thứ tự [8], [11], [22], [23], [27]

### 14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Đã hoàn thành 02 đề tài cơ sở và 01 đề nhánh đề tài cấp nhà nước với vai trò là chủ nhiệm đề tài;



- Đã công bố (số lượng) **38** bài báo khoa học, trong đó **09** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: **02**, trong đó **02** thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): .....

| Thời gian                | Hình thức, lý do khen                          | Cấp ký quyết định, ngày cấp                                                          |
|--------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Danh hiệu thi đua</b> |                                                |                                                                                      |
| 2013 - 2014              | Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở                     | QĐ số 1188/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 2019 - 2020              | Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở                     | QĐ số 2416/QĐ-BGDĐT ngày 04/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  |
| 2024                     | Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở                     | QĐ số 102/QĐ-ĐHKTQD ngày 23/01/2025 của Giám đốc Đại học Kinh tế Quốc dân            |
| <b>Khen thưởng</b>       |                                                |                                                                                      |
| 2016 - 2018              | Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo | QĐ số 447/QĐ-BGDĐT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo              |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong quá trình công tác tại Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi luôn xác định rõ trách nhiệm và sứ mệnh của người giảng viên đại học là không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và góp phần xây dựng môi trường học thuật chuẩn mực, hiện đại. Với tinh thần cầu thị, tôi luôn nỗ lực phát triển đồng đều cả ba trụ cột: giảng dạy – nghiên cứu – quản lý đào tạo, gắn liền với thực tiễn và phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường.

Về công tác giảng dạy, tôi đã trực tiếp đảm nhiệm nhiều học phần ở cả ba bậc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng. Các học phần bao gồm: Quản trị tài chính, Tài chính doanh nghiệp, Phân tích tài chính, Investment principles ở bậc cử nhân; Quản trị tài chính doanh nghiệp, Phân tích và dự báo tài chính ở bậc thạc sĩ; và Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ ở bậc tiến sĩ. Tôi cũng tham gia xây dựng đề cương các học phần cho chương trình thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng và chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh, đồng thời tham gia góp ý đề tài, phản biện luận án cho nghiên cứu sinh. Trong công tác giảng dạy và hướng dẫn, tôi luôn chú trọng đổi mới phương pháp, cập nhật nội dung chuyên môn và hỗ trợ người học phát triển tư duy học thuật, kỹ năng nghiên cứu độc lập.



Về nghiên cứu khoa học, tôi đã công bố nhiều công trình nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus như Finance Research Letters, Plos One, International Journal of Emerging Markets,... Các nghiên cứu tập trung vào tài chính doanh nghiệp, cấu trúc vốn, sở hữu và quản trị, cùng các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hành vi tài chính của doanh nghiệp. Tôi đã chủ trì một số đề tài cấp cơ sở và đề tài nhánh của đề tài cấp nhà nước. Kết quả nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn được ứng dụng trực tiếp trong giảng dạy và đào tạo sau đại học.

Về công tác quản lý đào tạo, với vai trò là Phó Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, tôi đã phụ trách nhiều năm các hoạt động chuyên môn liên quan đến bảo đảm chất lượng các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và sau tiến sĩ. Tôi tham gia xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, soạn thảo các quy định về đào tạo sau đại học và phối hợp tổ chức hoạt động tuyển sinh, giảng dạy, hỗ trợ học thuật cho người học. Tôi đặc biệt chú trọng việc duy trì môi trường học thuật tích cực, cởi mở, minh bạch, và được người học đánh giá cao về các hoạt động hỗ trợ trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Đại học Kinh tế Quốc dân.

Về phẩm chất đạo đức và tác phong nghề nghiệp, tôi luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của đơn vị công tác, các quy chế chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như các chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong công việc giảng dạy, nghiên cứu và quản lý, tôi luôn giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, có thái độ ứng xử đúng mực, tôn trọng người học, đồng nghiệp, thực hiện công việc với tinh thần tận tâm, trách nhiệm và công bằng.

Tôi tự đánh giá rằng bản thân đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và năng lực công tác để được xét công nhận chức danh Phó Giáo sư. Tôi cam kết tiếp tục nỗ lực đóng góp tích cực và bền bỉ cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Kinh tế Quốc dân nói riêng và giáo dục đại học Việt Nam nói chung.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **17 năm 10 tháng** (không tính thời gian học Tiến sĩ tại nước ngoài)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SĐH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     | 1                                  |                                         | 66                                 | 269 | 335/751,2/81                                                                              |
| 2               | 2020-2021 |                           |     | 2                                  |                                         | 66                                 | 192 | 258/628/81                                                                                |
| 3               | 2021-2022 |                           |     | 2                                  |                                         | 144                                | 200 | 344/756/81                                                                                |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     | 1                                  |                                         | 144                                | 170 | 314/622,6/81                                                                              |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                    | 3                                       | 48                                 | 173 | 221/477,6/70,5                                                                            |
| 6               | 2024-2025 |                           |     |                                    | 2                                       | 48                                 | 210 | 258/514,9/60                                                                              |

*Ghi chú:* Trong 6 năm học gần đây, ứng viên là giảng viên giữ chức vụ quản lý, lần lượt là Trưởng Ban Đào tạo (từ năm học 2019-2020 đến 2022-2023) và Phó Viện trưởng (từ năm học 2023-2024 đến 2024-2025) của Viện Đào tạo Sau đại học, Đại học Kinh tế Quốc dân. Vì vậy, định mức giờ chuẩn của ứng viên là 30% định mức giờ chuẩn cho giảng viên.

Theo quy định của Đại học Kinh tế Quốc dân (ban hành theo các Quyết định số 929/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2020 và số 510/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/5/2024), ứng viên định mức giờ chuẩn là 81 giờ trong các năm học từ 2019-2020 đến 2022-2023; 70,5 giờ năm học 2023-2024; 60 giờ năm học 2023-2024.

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Úc, năm 2008-2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh.**

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình cử nhân giảng dạy bằng tiếng Anh tại Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, Đại học Kinh tế Quốc dân.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn               |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                   | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|------|-------------------------------------|-----|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH | Chính                               | Phụ |                                    |                                 |                                                       |
| 1  | Phùng Khánh Hòa               |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 28/02/2020 – 30/09/2020            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 002768 cấp ngày 22/04/2022                    |



| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn               |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                   | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|------|-------------------------------------|-----|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH | Chính                               | Phụ |                                    |                                 |                                                       |
| 2  | Nguyễn Ngọc Linh              |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 29/12/2020 – 30/09/2021            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 003837 cấp ngày 09/02/2023                    |
| 3  | Đặng Duy Long                 |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 29/12/2020 – 30/09/2021            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 002504 cấp ngày 22/04/2022                    |
| 4  | Phạm Tiến Giang               |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 30/12/2021 – 30/10/2022            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 003720 cấp ngày 09/02/2023                    |
| 5  | Nguyễn Thị Phương Ngọc        |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 30/12/2021 – 30/10/2022            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 003698 cấp ngày 09/02/2023                    |
| 6  | Nguyễn Ánh Tuyết              |           | HVCH | <input checked="" type="checkbox"/> |     | 30/12/2022 – 30/10/2023            | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | Bằng số 005000 cấp ngày 08/03/2024                    |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT                                    | Tên sách                                                                  | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản                                           | Số tác giả | Chủ biên | Phản biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận TS</b> |                                                                           |                            |                                                                        |            |          |                                         |                                                            |
| 1                                     | Stock markets: Emergence, macroeconomic factors and recent developments   | CK                         | Nova Science Publishers, Inc, 2013<br>ISBN: 978-1-62808-751-2          | 26         |          | Đồng biên soạn chương 6, trang 103-128  | Xác nhận sử dụng sách                                      |
| <b>II. Sau khi được công nhận TS</b>  |                                                                           |                            |                                                                        |            |          |                                         |                                                            |
| 2                                     | Ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hiện luận văn thạc sĩ | GT                         | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024<br>ISBN: 978-604-4983-76-9 | 12         |          | Đồng biên soạn chương 3 trang 62-120    | Xác nhận sử dụng sách                                      |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 0.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT                                    | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                          | CN/<br>PCN/<br>TK | Mã số và cấp quản lý                            | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận TS</b> |                                                                                                                                         |                   |                                                 |                     |                                                     |
|                                       |                                                                                                                                         |                   |                                                 |                     |                                                     |
| <b>II. Sau khi được công nhận TS</b>  |                                                                                                                                         |                   |                                                 |                     |                                                     |
| 1                                     | Đánh giá tác động của kinh tế số đến TFP của các doanh nghiệp theo các loại hình sở hữu tại Việt Nam                                    | CN                | Đề tài nhánh đề tài cấp Quốc gia KX.01.07/21-30 | 03/2025 – 05/2025   | 30/05/2025<br>Xếp loại: Tốt                         |
| 2                                     | The effect of ownership structure on dividend policy: Evidence from non-financial listed firms in Vietnam                               | CN                | NEU-E2023.07<br>Đề tài NCKH cấp trường          | 08/2023 – 06/2024   | 18/06/2024<br>Xếp loại: Tốt                         |
| 3                                     | Mức độ giải thích của Lý thuyết đánh đổi và Trật tự phân hạng đối với hành vi lựa chọn nguồn tài trợ của doanh nghiệp niêm yết Việt Nam | CN                | KTQD/V2017.56<br>Đề tài NCKH cấp trường         | 01/2017 – 04/2018   | 12/06/2018<br>Xếp loại: Tốt                         |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT                                          | Tên bài báo/<br>báo cáo KH                                                                           | Số tác giả | Là tác giả chính                    | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang     | Tháng, năm công bố |
|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>I. Trước khi được công nhận TS</b>       |                                                                                                      |            |                                     |                                                 |                                                   |                                            |                    |                    |
| <b>Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước</b> |                                                                                                      |            |                                     |                                                 |                                                   |                                            |                    |                    |
| 1.                                          | Tác động của FDI đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc – Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam | 1          | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012   |                                                   |                                            | Số 106 trang 54-56 | 4/2006             |



|    |                                                                                    |   |                                     |                                                       |  |  |                        |        |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|-------------------------------------------------------|--|--|------------------------|--------|
| 2. | Nâng cao hiệu quả thu hút và sử dụng FDI của Việt Nam trong tiến trình hội nhập    | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế và Dự báo, ISSN: 0866-7120            |  |  | Số 395 trang 20-22, 19 | 3/2006 |
| 3. | Hoàn thiện nội dung và hoạt động phân tích bảng cân đối kế toán ở các doanh nghiệp | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế & Phát triển, ISSN: 1859-0012         |  |  | Số 49 trang 32-34      | 7/2001 |
| 4. | Phân tích tài chính doanh nghiệp nhìn từ góc độ các nhà đầu tư chứng khoán         | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, ISSN: 1859-2805 |  |  | Số 12(90) trang 20-21  | 6/2001 |

**Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế**

|    |                                                                                                            |   |                                     |                                                                                                                                                                             |  |  |            |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|---------|
| 5. | The Determinants of Capital Structure: An Empirical Study of Listed Firms on the Vietnamese Stock Exchange | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Proceedings of the 6 <sup>th</sup> Vietnam Economist Annual Meeting (VEAM), Huế                                                                                             |  |  | Trang 1-30 | 6/2013  |
| 6. | The Determinants of Capital Structure: An Empirical Study of Listed Firms on the Vietnamese Stock Exchange | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | 2 <sup>nd</sup> Finance and Corporate Governance Conference, Melboure, Australia<br><a href="https://doi.org/10.2139/ssrn.1725710">https://doi.org/10.2139/ssrn.1725710</a> |  |  | Trang 1-12 | 12/2010 |

**II. Sau khi được công nhận TS**

**Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế**

|    |                                                                                                                                                        |   |                                     |                                                                                                                                                                                  |                                |   |                 |        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---|-----------------|--------|
| 7. | The impact of covid-19 pandemic on the association between state ownership and dividend policy: insights from nonfinancial listed companies in Vietnam | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Pacific Accounting Review<br>ISSN: 0114-0582<br>e-ISSN: 2041-5494<br><a href="https://doi.org/10.1108/PAR-09-2024-0227">https://doi.org/10.1108/PAR-09-2024-0227</a>             | ESCI,<br>Scopus Q2<br>IF NA    |   |                 | 5/2025 |
| 8. | Geopolitical risk and corporate investment efficiency                                                                                                  | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | Finance Research Letters<br>Online ISSN: 1544-6131<br>Print ISSN: 1544-6123<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.107112">https://doi.org/10.1016/j.frl.2025.107112</a> | SSCI,<br>Scopus Q1<br>IF 5.596 | 1 | Vol. 78, 107112 | 5/2025 |

|     |                                                                                                                      |   |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                |    |                                  |         |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----|----------------------------------|---------|
| 9.  | The Impact of the Capital Structure on Firm Performance: The Case of New Enterprises                                 | 3 | <input checked="" type="checkbox"/> | International Journal of Business<br>ISSN: 1083-4346<br><a href="https://doi.org/10.55802/IJB.029(3).003">https://doi.org/10.55802/IJB.029(3).003</a>                                                                                                                                               | ESCI,<br>Scopus Q4<br>IF NA    |    | Vol. 29<br>No.3-03,<br>pp. 37-52 | 10/2024 |
| 10. | Anti-corruption and bank performance: Evidence from a socialist-oriented economy                                     | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Plos One<br>ISSN: 1932-6203 (online)<br><a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0292556">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0292556</a>                                                                                                                                                     | SCIE,<br>Scopus Q1<br>IF 3.107 | 5  | Vol.18<br>Iss.10<br>e0292556     | 10/2023 |
| 11. | Gender discrimination, social networks and access to informal finance of Vietnamese small and medium enterprises     | 4 | <input checked="" type="checkbox"/> | Economic Analysis and Policy<br>ISSN: 0313-5926<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.eap.2023.03.017">https://doi.org/10.1016/j.eap.2023.03.017</a>                                                                                                                                                | SSCI,<br>Scopus Q1<br>IF 2.497 | 9  | Vol. 78<br>pp. 358-372           | 6/2023  |
| 12. | Do different political connections affect firms' distress risk differently?                                          | 4 | <input checked="" type="checkbox"/> | International Journal of Emerging Markets<br>ISSN: 1746-8809<br>e-ISSN: 1746-8817<br><a href="https://doi.org/10.1108/IJOEM-08-2020-0874">https://doi.org/10.1108/IJOEM-08-2020-0874</a>                                                                                                            | SSCI,<br>Scopus Q2<br>IF 2.488 | 15 | Vol.18<br>Iss.2<br>pp. 376-398   | 2/2023  |
| 13. | Anti-Corruption Campaign and Firm Financial Performance: Evidence from Vietnam Firms                                 | 5 |                                     | Evaluation Review<br>ISSN: 0193-841X;<br>Online ISSN: 1552-3926<br><a href="https://doi.org/10.1177/0193841X211072707">https://doi.org/10.1177/0193841X211072707</a>                                                                                                                                | SSCI,<br>Scopus Q2<br>IF 1.581 | 23 | Vol.46<br>Iss.2<br>pp. 103-137   | 1/2022  |
| 14. | The impact of dividend policy on earnings management – an empirical study of real estate companies listed in Vietnam | 4 |                                     | Journal of Economics and Development<br>ISSN: 1859-0020                                                                                                                                                                                                                                             | ACI                            |    | Special issue<br>pp. 13-24       | 2021    |
| 15. | Does Bitcoin Hedge Commodity Uncertainty?                                                                            | 4 |                                     | Journal of Risk and Financial Management<br>ISSN: 1911-8074<br><a href="https://doi.org/10.3390/jrfm13060119">https://doi.org/10.3390/jrfm13060119</a>                                                                                                                                              | Scopus Q2<br>IF NA             | 13 | Vol.13<br>Iss.6<br>pp.119-133    | 6/2020  |
| 16. | Impacts of Firms' Characteristics on Leverage Ratio in Emerging Real Estate Market                                   | 4 |                                     | Journal of Organizational Behavior Research<br>ISSN: 2528-9705<br><a href="https://odad.org/article/impacts-of-firmscharacteristics-on-leverage-ratio-in-emerging-real-estate-market">https://odad.org/article/impacts-of-firmscharacteristics-on-leverage-ratio-in-emerging-real-estate-market</a> |                                | 3  | Vol.5<br>Iss.1<br>pp. 284-305    | 5/2020  |



|     |                                                                                      |   |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                      |                                   |        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------|
| 17. | The Determinants of Capital Structure: A Case Study                                  | 5 |  | Journal of Security and Sustainability Issues<br>ISSN: 2029-7017(print); 2029-7025 (online)<br><a href="https://openurl.ebsco.com/EPDB%3Aagcd%3A8%3A12591960/detailv2?sid=ebsco%3Aplink%3Ascholar&amp;id=ebsco%3Aagcd%3A143664524&amp;crl=c&amp;link">https://openurl.ebsco.com/EPDB%3Aagcd%3A8%3A12591960/detailv2?sid=ebsco%3Aplink%3Ascholar&amp;id=ebsco%3Aagcd%3A143664524&amp;crl=c&amp;link</a> | 6                                                                                    | Vol.9 (M)<br>pp. 5-17             | 5/2020 |
| 18. | Effects of corporate governance and earning quality on listed Vietnamese firm value' | 4 |  | Journal of Asian Finance, Economics and Business<br>ISSN: 2288-4637(print); 2288-4645(online)<br><a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no4.71">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no4.71</a>                                                                                                                                                                                         | ESCI,<br>Scopus Q2<br>IF 4.934<br>Tập chí ra khỏi Scopus năm 2021, sau Vol. 8 Iss. 4 | 63<br>Vol.7<br>Iss.4<br>pp. 71-80 | 4/2020 |
| 19. | Credit Scoring Application at Banks: Mapping to Basel II                             | 4 |  | Journal of Social and Political Sciences<br>ISSN: 2615-3718 (Online); 2621-5675 (Print)<br><a href="http://dx.doi.org/10.31014/aor.1991.02.01.51">http://dx.doi.org/10.31014/aor.1991.02.01.51</a>                                                                                                                                                                                                     |                                                                                      | 4<br>Vol.2<br>No.1<br>pp. 83-89   | 2/2019 |

**Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước**

|     |                                                                                                                          |   |                                     |                                                                                                            |  |                         |        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------|--------|
| 20. | Bất định chính sách kinh tế toàn cầu và chi phí vốn của doanh nghiệp tại Việt Nam                                        | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng<br>ISSN: 3030-4199                                                     |  | Số 278, trang 120-136   | 6/2025 |
| 21. | Quản trị doanh nghiệp và khả năng sinh lời của các ngân hàng trên toàn cầu                                               | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012                                                           |  | Số 335, trang 62-71     | 5/2025 |
| 22. | Tác động của yếu tố nội tại và thể chế đến năng lực đổi mới sáng tạo: bằng chứng từ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Hà Nội   | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội<br>P-ISSN: 1859-3585<br>E-ISSN: 2615-9619 |  | Số 61(4), trang 207-213 | 4/2025 |
| 23. | Bất định trong chính sách khí hậu và chi phí chìm của doanh nghiệp xả thải hạng nặng: Bằng chứng thực nghiệm đa quốc gia | 5 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012                                                           |  | Số 333 (2), trang 2-12  | 3/2025 |

|                                                                     |                                                                                                                                                                |   |                                     |                                                                                                                                               |  |  |                         |         |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------|---------|
| 24.                                                                 | Tác động của sở hữu và đặc điểm Ban quản trị đến hiệu quả tài chính: Bảng chứng từ Việt Nam                                                                    | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới<br>ISSN: 0868-2984                                                                         |  |  | Số 3(347) trang 51-60   | 3/2025  |
| 25.                                                                 | Tác động của bất định chính sách kinh tế toàn cầu đến chi phí vay ngân hàng tại Việt Nam                                                                       | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012                                                                                              |  |  | Số 332, trang 42-51     | 2/2025  |
| 26.                                                                 | Lý thuyết đánh đổi hay lý thuyết trật tự phân hạng: Bảng chứng thực nghiệm với cấu trúc vốn của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam giai đoạn 2008-2023     | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế<br>ISSN: 2615-9848                                                                                         |  |  | Số 168, trang 1-17      | 10/2024 |
| 27.                                                                 | Tính kinh tế theo quy mô trong tiêu dùng điện của các hộ gia đình tại Việt Nam                                                                                 | 3 |                                     | Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới<br>ISSN: 0868-2984                                                                         |  |  | Số 11(331), trang 63-73 | 11/2023 |
| 28.                                                                 | Nhận diện vai trò của đòn bẩy tài chính trong mối quan hệ giữa tinh thần doanh nhân và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội | 2 |                                     | Tạp chí Khoa học Thương mại<br>ISSN: 1859-3666                                                                                                |  |  | Số 153, trang 45-54     | 5/2021  |
| 29.                                                                 | Tác động của sở hữu nhà nước tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước trên thị trường chứng khoán Việt Nam                          | 4 | <input checked="" type="checkbox"/> | Tạp chí Kinh tế và Phát triển<br>ISSN: 1859-0012                                                                                              |  |  | Số 243, trang 71-79     | 9/2017  |
| <b>Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia</b> |                                                                                                                                                                |   |                                     |                                                                                                                                               |  |  |                         |         |
| 30.                                                                 | Mức độ giải thích của Lý thuyết đánh đổi và Trật tự phân hạng đối với hành vi lựa chọn nguồn tài trợ của doanh nghiệp niêm yết Việt Nam                        | 2 | <input checked="" type="checkbox"/> | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Cách mạng Công nghiệp 4.0 và những đổi mới trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng<br>ISBN: 978-604-946-449-2 |  |  | Trang 287-302           | 6/2018  |



|     |                                                                                                                                                                 |   |  |                                                                                                                              |  |  |                  |         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|---------|
| 31. | Thực trạng triển khai áp dụng phần mềm Turnitin cho đào tạo sau đại học và bài học kinh nghiệm cho nhân rộng áp dụng trong đào tạo tại Đại học Kinh tế Quốc dân | 3 |  | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo Sau đại học trong điều kiện tự chủ và hội nhập quốc tế<br>ISBN: 978-604-946-329-7 |  |  | Trang<br>231-246 | 10/2017 |
| 32. | Nâng cao vai trò của giáo viên hướng dẫn trong đào tạo tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                                              | 5 |  | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đào tạo Sau đại học trong điều kiện tự chủ và hội nhập quốc tế<br>ISBN: 978-604-946-329-7 |  |  | Trang<br>333-341 | 10/2017 |
| 33. | Nghiên cứu thực nghiệm về kiểm soát nội bộ trong các tổ chức tài chính vi mô                                                                                    | 4 |  | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kế toán – Kiểm toán Việt Nam trong xu hướng hội tụ quốc tế<br>ISBN: 978-604-946-118-7     |  |  | Trang<br>189-196 | 5/2016  |

**Bài báo khoa học đăng trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế**

|     |                                                                                                                                         |   |                                     |                                                                                                                                                                        |  |  |                  |         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|---------|
| 34. | The impact of ownership structure and board characteristics on dividend policy: insights from non-financial listed companies in Vietnam | 5 | <input checked="" type="checkbox"/> | Proceedings of the International Conference on Accounting and Financial Economics (ICAFFE)<br>ISBN: 978-604-330-966-9                                                  |  |  | Trang<br>166-180 | 1/2024  |
| 35. | Identify the role of financial leverage in the relationship between entrepreneurship orientation and the performance of SMEs            | 3 |                                     | Annals of Computer Science and Information Systems, Volume 28<br>Proceedings of International Conference on Research in Management and Technovation<br>ISSN: 2300-5963 |  |  | Trang<br>217-221 | 12/2021 |
| 36. | The determinants of the business performance of commercial banks: A case study of Vietnam                                               | 4 |                                     | Annals of Computer Science and Information Systems, Volume 28<br>Proceedings of International Conference on Research in Management and Technovation<br>ISSN: 2300-5963 |  |  | Trang<br>213-215 | 12/2021 |

|     |                                                                                         |   |                                     |                                                                                                    |  |  |                  |        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|--------|
| 37. | The Determinants of capital structure: A case study of newly established firms in Hanoi | 3 |                                     | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia<br>ISBN: 978-604-79-1930-7 |  |  | Trang<br>265-275 | 9/2018 |
| 38. | Ownership and Capital Structure in Vietnam                                              | 1 | <input checked="" type="checkbox"/> | Proceedings of Pan-Pacific Conference XXXII<br>ISBN: 1-931649-27-5                                 |  |  | Trang<br>272-274 | 6/2015 |

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS: 6 bài báo khoa học [7], [8], [9], [10], [11], [12].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                             |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                             |            |
| ... |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)



| TT  | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| 2   |                                                              |                           |                                          |                                  |            |
| ... |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                                                                                       | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế             | Ghi chú |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|---------|
| 1  | Hội đồng rà soát, đánh giá, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Kinh tế Quốc dân theo Thông tư số 17/2021 của Bộ GD&ĐT | Tham gia                       | Quyết định số 416/QĐ-ĐHKTQD ngày 05/7/2022   | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân    | Quyết định số 655/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/10/2022 |         |
| 2  | Đề án thí điểm đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Anh tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân                                                                 | Tham gia                       | Quyết định số 451/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/6/2017   | Trường Đại học Kinh tế Quốc dân    | Quyết định số 1823/QĐ-ĐHKTQD ngày 16/8/2017 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Xuân Thắng**